

Bản án số: 100/2021/DS-ST
Ngày 21 - 6 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng mượn tài
sản, hui và hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Văn

Ông Trương Minh Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 163/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng mượn tài sản, hui và hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thúy Q, sinh năm 1977; cư trú tại: K1, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn:

1. Chị Nguyễn Hồng T; cư trú tại: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Anh Ngô Hùng T1; cư trú tại: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Đặng Thúy Q trình bày: Vào tháng 15/01/2020, chị có tham gia chơi 02 chung hui, loại hui 3.000.000đ do chị Nguyễn Hồng T và anh Ngô Hùng T1 làm chủ hui, đây hui gồm 28 chung, chị đóng đến kỳ thứ 14 thì đình hui. Như vậy, số tiền hui chị T, anh T1 nợ chị là $(3.000.000đ \times 14) \times 2 = 84.000.000đ$.

Ngoài ra, vào ngày 09/10/2019 âl, chị T và anh T1 có đến nhà mượn chị số tiền 100.000.000đ. Ngày 03/11/2019, chị T và anh T1 đến nhà mượn tiếp số tiền 120.000.000đ. Tháng 5/2020, chị T và anh T1 đến nhà mượn tiếp số tiền 61.000.000đ để đóng tiền bảo hiểm.

Đồng thời, chị T và anh T1 còn nợ chị tiền mua xăng nhiều lần là 5.130.000đ.

Như vậy, tổng số tiền mà chị T, anh T1 nợ chị là 84.000.000đ + 100.000.000đ + 120.000.000đ + 61.000.000đ + 5.130.000đ = 370.130.000đ.

Nay chị yêu cầu chị T và anh T1 trả cho chị số tiền 370.130.000đ.

Chị Nguyễn Hồng T, anh Ngô Hùng T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh, chị không có ý kiến gì đối với nội dung và yêu cầu khởi kiện của chị Q.

Tại phiên tòa: Chị Q yêu cầu chị T và anh T1 trả số tiền hội 77.000.000đ, tiền vay 220.000.000đ, tiền mượn đóng bảo hiểm 53.700.000đ, tiền mua xăng 5.130.000đ, tổng cộng 355.830.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đặng Thúy Q khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Hồng T và anh Ngô Hùng T1 trả số tiền 355.830.000đ là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mượn tài sản, hội và hợp đồng mua bán, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T, anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[3] Xét yêu cầu của chị Q về số tiền hội, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo bảng danh sách hội ngày 15/01/2020, chị Quyên có tham gia chơi hội 02 chung hội với tên “Chị N” trong đây hội 3.000.000đ do chị T, anh T1 làm đầu thảo là thực tế có xảy ra. Xét thấy: Chị T, anh T1 là chủ hội, còn chị Q là hội viên, trong quá trình chơi hội, chị Q đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hội cho chị T và anh T1, còn chị T, anh T1 với vai trò là người bảo lãnh cho các hội viên tham gia chơi hội. Tuy nhiên, trong quá trình chơi hội chị T, anh T1 đã vi phạm nghĩa vụ của người làm chủ đầu thảo, đó là đến kỳ thứ 14 thì đình hội. Nhưng sau khi đình hội, chị T và anh T1 không trả số tiền hội chị Q đã đóng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị Q là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của chị Q về số tiền mượn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào các ngày 09/10/2019 âl, 03/11/2019 và tháng 5/2020 chị T, anh T1 có mượn của chị Q số tiền 220.000.000đ và số tiền đóng bảo hiểm 53.700.000đ là thực tế có xảy ra. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ chị Q có cung cấp

các tin nhắn trên zalo mà chị T nhận nợ với chị Q và xác nhận của chị Trần Kim L là người trực tiếp biết được việc chị T, anh T1 mượn tiền chị Q để đóng bảo hiểm. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị Q là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của chị Q về số tiền mua xăng còn nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo sổ theo dõi việc mua xăng của chị T, anh T1 thể hiện chị T, anh T1n có nợ tiền mua xăng của chị Q tổng số tiền là 5.130.000đ. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Q là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Đối với chị T và anh T1, mặc dù chị biết được nội dung và yêu cầu khởi kiện của chị Q, nhưng anh, chị không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án. Như vậy, nội dung và yêu cầu khởi kiện của chị Q thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét về án phí dân sự: Chị T và anh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: $355.830.000đ \times 5\% = 17.791.500đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 92; Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430; Điều 471; Điều 494 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thúy Q.

1. Buộc chị Nguyễn Hồng T và anh Ngô Hùng T1 phải có nghĩa vụ trả cho chị Đặng Thúy Q số tiền là 355.830.000 đồng (ba trăm năm mươi lăm triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng).

2. Kể từ ngày chị Đặng Thúy Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà chị Nguyễn Hồng T và anh Ngô Hùng T1 chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng chị T, anh T1 còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Chị Đặng Thúy Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị Q 9.253.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0011996 ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi.

3.2. Chị Nguyễn Hồng T và anh Ngô Hùng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 17.791.500 đồng (mười bảy triệu bảy trăm chín mươi một ngàn năm trăm đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh